

Khu Đề xuất Bảo tồn Biển Quy Nhơn

Tên khác:

Đầm Quĩ Nhơn, Đầm Thị Nại

Tỉnh:

Bình Định

Diện tích:

5.800 ha

Tọa độ:

13°50' - 13°55' N, 109°13' - 109°18' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Duyên hải Nam Trung Bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Chưa

Đã thành lập Ban Quản lý:

Chưa

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Không

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

Không

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB, 1999) đã đề xuất việc thành lập khu bảo tồn biển đầm phá Quy Nhơn với diện tích 5.800 ha, bao gồm phần đất liền rộng 800 ha và phần biển 5.000 ha.

Địa hình và thủy văn

Đầm phá Quy Nhơn ở phía bắc Thành phố Quy Nhơn. Đây là đầm phá nước mặn tự nhiên nối liền với Biển Đông bởi một con kênh rộng 700m. Diện tích đầm phá lúc triều cao là 5.000 ha, và lúc triều thấp chỉ chiếm 3.200 ha (Scott, 1989). Trong mùa mưa, mực nước ở đầm phá đạt tới mức 14m ở chỗ sâu nhất, nhưng trong mùa khô, mức nước trung bình chỉ đạt 1,5m. Tầm nhìn ra biển của đầm phá bị che khuất bởi bán đảo Phương Mai mở rộng xuống từ phía bắc (ADB, 1999).

Đa dạng sinh học

Tại đầm phá có mặt cả lớp rong biển và tảo biển. Lớp rong biển phủ diện tích khoảng 35 ha và chiếm ưu thế bởi các loài *Gracilaria verrucosa* và *G. blodgettii*. Lớp cỏ biển chiếm khoảng 200 ha. Các cuộc điều tra đa dạng sinh học trước đây đã ghi nhận được 185 loài thực vật phù du, 58 loài động vật phù du, 100 loài thân mềm, 71 loài giáp xác và 116 loài cá (ADB, 1999).

Trong tháng 1/2002, đầm phá Quy Nhơn đã được điều tra trong đợt khảo sát nhanh đa dạng sinh học do Birdlife International và Viện Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật thực hiện. Chỉ có số lượng nhỏ các loài chim nước được ghi nhận, trong đó không hề có loài nào đang bị đe dọa trong nước và trên thế giới (Lê Mạnh Hùng, *et al* đang soạn thảo).

Các vấn đề về bảo tồn

Khu vực xung quanh đầm phá kể cả Thành phố Quy Nhơn, có đông dân cư sinh sống, điều đó đem lại nhiều khó khăn trong quản lý đối với một khu bảo vệ và vấn đề bảo tồn bền vững môi trường. Đầm phá đã bị suy thoái nặng nề do hậu quả của việc khai thác quá mức, đánh bắt mang tính hủy diệt và phát triển nuôi trồng hải sản (ADB, 1999).

Các giá trị khác

Có hơn 100 hộ gia đình có cuộc sống nhờ vào các nguồn tài nguyên của đầm phá. Hàng năm người ta thu hoạch được khoảng 80 tấn rong biển sử dụng làm thức ăn và phân bón. Đầm phá là nơi sinh sản của loài tôm *Penaeus merguensis*, và là khu vực quan trọng đối với nghề sản xuất tôm. Mỗi năm thu hoạch nguồn tôm tự nhiên từ khoảng 200 đến 250 tấn, nhưng người ta cho rằng sản lượng đó đang bị suy giảm nhanh chóng (ADB 1999).

Khu Đề xuất Bảo tồn Biển Quy Nhơn

Các dự án có liên quan

Chưa có thông tin.

Ecology and Biological Resources, and Thua Thien Hue Provincial Department of Science, Technology and the Environment.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Khu đề xuất bảo tồn biển Quy Nhơn không phù hợp với các mục đích đầu tư của VCF do đây không phải là khu rừng đặc dụng.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	
B _I	
B _{II}	
B _{III}	
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Le Manh Hung, Nguyen Duc Tu, Nguyen Quang Truong, Tordoff, A. W. and Nguyen Viet Hung (in prep.) A rapid biodiversity survey of the coastal zone of central Vietnam. Unpublished report to the BirdLife International Vietnam Programme, the Institute of

